TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2024
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Ngọc Đài;
2. Ông Y Míp Niê;

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị N, sinh năm 1982; trú tại: Thôn S, xã P, huyện J, tỉnh Đắk Nông (có mặt);

- Bị đơn: Ông Lê Đức L, sinh năm 1972; trú tại: Thôn V, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Vi Thị N trình bày: Bà N với ông L là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 25/7/2022 tại UBND xã P, huyện J, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn thì chung sống tại thôn V, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 14/2/2023 cho tới nay, bà N về nhà mẹ ruột tại huyện J, tỉnh Đắk Nông để sinh sống. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Đức L.

Về con chung: Không có con chung nên không có đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Đức L trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như bà Vi Thị N đã trình bày. Ông L với bà N là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 25/7/2022 tại UBND xã P, huyện J, tỉnh Đắk

Nông. Sau khi kết hôn thì chung sống tại thôn V, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ ngày 14/2/2023 cho tới nay, bà N về nhà mẹ ruột tại huyện J, tỉnh Đắk Nông để sinh sống. Nay, bà Vi Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Không có con chung nên không có đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Tòa giải quyết về phần tài sản chung, nợ chung.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vi Thị N với ông Lê Đức L.

Về con chung: Không có con chung nên không có đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn nên nguyên đơn bà Vi Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện *"Ly hôn"* và bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Đức L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N với ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2022 tại UBND xã P, huyện J, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà N với

ông L là hợp pháp. Vì vậy, bà Vi Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong gia đình, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho tới nay. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc nhưng bà N với ông L thường xuyên mâu thuẫn, to tiếng trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân bà N với ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vi Thị N.

[2.2] Về con chung: Không có nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Vi Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngày 01/04/2024, bị đơn ông Lê Đức L nộp đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi xem xét đơn khởi kiện, Tòa án ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện số 41/2024/TB- TA ngày 05/4/2024 và tống đạt hợp lệ cho ông Lê Đức L. Tuy nhiên, trong thời hạn luật định ông L đã không thực hiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Ngày 26/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng có thông báo trả lại đơn khởi kiện số 56/2024/TB-TA cho ông Lê Đức L. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu của ông Lê Đức L.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn nên nguyên đơn bà Vi Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị N về việc "Ly hôn". Bà Vi Thị N được ly hôn với ông Lê Đức L.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Vi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002514 ngày 15/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Bà Vi Thị N không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện J;
- . . . . . ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Xuân Hải